

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 12 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN CÓ XẾP LOẠI GIỎI, XUẤT SẮC

Lễ tốt nghiệp và trao bằng tốt nghiệp đợt 1 năm 2025

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
1	2033210525	Trần Tuấn	Kiệt	An toàn thông tin	12DHBM06_CN	3,52	Giỏi	x	
2	2006210072	Nguyễn Anh	Tú	Công nghệ chế biến thủy sản	12DHCBS02_CN	3,52	Giỏi	x	
3	2027210402	Nguyễn Thị	Hồng	Công nghệ dệt, may	12DHCM03_CN	3,59	Giỏi	x	
4	2025211080	Trần Quốc	An	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	12DHCDT04_CN	3,63	Xuất sắc	x	
5	2002210238	Nguyễn Hữu	Thọ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	12DHDT04_CN	3,23	Giỏi	x	
6	2032211153	Lê Hữu	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	12DHTDH06_CN	3,62	Xuất sắc	x	
7	2004217760	Nguyễn Lê Kiều Mai	Thuy	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH02_CN	3,84	Xuất sắc	x	
8	2008210214	Trịnh Trần Thành	Trung	Công nghệ sinh học	12DHSH03_CN	3,26	Giỏi	x	
9	2001215998	Nguyễn Phúc Bảo	Nhân	Công nghệ thông tin	12DHTH_TD_CN	3,79	Xuất sắc	x	
10	2005218040	Nguyễn Thị Thu	Sương	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,75	Xuất sắc	x	
11	2022210039	Lê Hồng	Soan	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	12DHDB01_CN	3,40	Giỏi	x	
12	2007214986	Vương Kim	Yến	Kế toán	12DHKT12	3,92	Xuất sắc	x	
13	2036213695	Tạ Thị Cẩm	Giang	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,71	Xuất sắc	x	
14	2043210676	Phạm Thị Hòa	Bình	Kinh doanh thời trang và dệt may	12DHKDDT02	3,46	Giỏi	x	
15	2034218770	Lê Phước	Thuận	Khoa học chế biến món ăn	12DHNA02_CN	3,61	Xuất sắc	x	
16	2028218884	Hồ Thị Yến	Nhi	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	12DHDD02_CN	3,24	Giỏi	x	
17	2037215178	Hồ Yến	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,84	Xuất sắc	x	
18	2040213641	Đỗ Thuỳ	Vy	Marketing	12DHQTMK05	3,84	Xuất sắc	x	
19	2029210310	Đoàn Thị Gia	Hân	Ngôn ngữ Anh	12DHAV01	3,80	Xuất sắc	x	
20	2029212811	Nguyễn Ngọc	Trâm	Ngôn ngữ Anh	12DHAV07	3,80	Xuất sắc	x	
21	2039213087	Ong Sĩ	Tuấn	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,97	Xuất sắc	x	
22	2031210409	Bùi Hoàng	Vy	Quản lý tài nguyên và môi trường	12DHQLMT03	3,67	Xuất sắc	x	
23	2024210180	Huỳnh Duy	Thái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH02	3,66	Xuất sắc	x	
24	2013213475	Đặng Lê Hồng	Vân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,75	Xuất sắc	x	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
25	2041210272	Nguyễn Kim Quỳnh	Như	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP04	3,74	Xuất sắc	x	
26	2038219310	Bùi Thị Hải	Yến	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,66	Xuất sắc	x	
27	2030210076	Huỳnh Thị	Quỳnh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH01	3,57	Giỏi	x	
28	2023210263	Hồng Trúc	Loan	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,85	Xuất sắc	x	
29	2033210510	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	An toàn thông tin	12DHBM06_CN	3,26	Giỏi		
30	2033210045	Trần Quang	Trung	An toàn thông tin	12DHBM09_CN	3,29	Giỏi		
31	2033210464	Nguyễn Trần Như	Thịnh	An toàn thông tin	12DHBM05_CN	3,42	Giỏi		
32	2033210516	Trần Quốc	Sơn	An toàn thông tin	12DHBM02_CN	3,48	Giỏi		
33	2006218173	Nguyễn Hoàng	Thiện	Công nghệ chế biến thủy sản	12DHCBS01_CN	3,25	Giỏi		
34	2006210475	Thạch Tấn	Lộc	Công nghệ chế biến thủy sản	12DHCBS02_CN	3,27	Giỏi		
35	2035211236	Lê Thị Vi	Yến	Công nghệ chế biến thủy sản	12DHCBS02_CN	3,27	Giỏi		
36	2006218147	Nguyễn Hùng Minh	Ân	Công nghệ chế biến thủy sản	12DHCBS01_CN	3,47	Giỏi		
37	2027210144	Nguyễn Đặng Mỹ	Lệ	Công nghệ dệt, may	12DHCM01_CN	3,26	Giỏi		
38	2027218488	Hoàng Thị Hồng	Nhung	Công nghệ dệt, may	12DHCM02_CN	3,26	Giỏi		
39	2027210124	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Công nghệ dệt, may	12DHCM01_CN	3,27	Giỏi		
40	2027210322	Nguyễn Chí	Lương	Công nghệ dệt, may	12DHCM03_CN	3,37	Giỏi		
41	2027218557	Đặng Thị Uyên	Trình	Công nghệ dệt, may	12DHCM02_CN	3,37	Giỏi		
42	2027218556	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Triều	Công nghệ dệt, may	12DHCM02_CN	3,40	Giỏi		
43	2027218533	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	Công nghệ dệt, may	12DHCM02_CN	3,48	Giỏi		
44	2025211072	Đỗ Đức	Tín	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	12DHCDT04_CN	3,33	Giỏi		
45	2025210358	Trần Quốc	Khôi	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	12DHCDT04_CN	3,43	Giỏi		
46	2002217241	Phan Nhật	Tân	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	12DHDT01_CN	3,21	Giỏi		
47	2032210578	Trương Công Thành	Đạt	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	12DHTDH06_CN	3,21	Giỏi		
48	2032217524	Cao Trọng	Phúc	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	12DHTDH03_CN	3,25	Giỏi		
49	2032217518	Bùi Bảo	Phi	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	12DHTDH07_CN	3,35	Giỏi		
50	2032217588	Võ Nguyễn	Trí	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	12DHTDH04_CN	3,36	Giỏi		
51	2004210418	Tạ Thị Hồng	Nhung	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH01_CN	3,82	Xuất sắc		
52	2004217776	Phạm Gia Bảo	Trâm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH03_CN	3,20	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
53	2004210639	Hoàng Như	Quỳnh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH05_CN	3,24	Giỏi		
54	2004217631	Huỳnh Phúc Như	Anh	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH03_CN	3,36	Giỏi		
55	2004210003	Lê Minh	An	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH05_CN	3,37	Giỏi		
56	2004210283	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH01_CN	3,43	Giỏi		
57	2004210284	Trần Minh	Mẫn	Công nghệ kỹ thuật hóa học	12DHHH02_CN	3,53	Giỏi		
58	2001215906	Nguyễn Ngọc	Lâm	Công nghệ thông tin	12DHTH08_CN	3,60	Xuất sắc		
59	2001210745	Nguyễn Bảo	Long	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,63	Xuất sắc		
60	2033216553	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Công nghệ thông tin	12DHTH_TD_CN	3,64	Xuất sắc		
61	2001215707	Nguyễn Từ Thành	Đạt	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,67	Xuất sắc		
62	2001216232	Trương Lê Bảo	Trân	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,67	Xuất sắc		
63	2001215884	Trần Hoàng Anh	Khôi	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,69	Xuất sắc		
64	2001216330	Trần Nhật	Vy	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,72	Xuất sắc		
65	2001216115	Lê Hữu	Tài	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,75	Xuất sắc		
66	2001215888	Hoàng Trung	Kiên	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,20	Giỏi		
67	2001215946	Cao Văn	Lượng	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,20	Giỏi		
68	2001216100	Trần Gia	Quỳnh	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,20	Giỏi		
69	2001215862	Hồ Quốc	Khánh	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,21	Giỏi		
70	2001216123	Trần Quyết	Tài	Công nghệ thông tin	12DHTH01_CN	3,21	Giỏi		
71	2001216197	Hà Thị Minh	Thư	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,21	Giỏi		
72	2001216026	Nguyễn Thành	Phát	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,22	Giỏi		
73	2001215879	Nguyễn Trọng Đăng	Khoa	Công nghệ thông tin	12DHTH_TD_CN	3,23	Giỏi		
74	2001216206	Huỳnh Văn	Tiên	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,23	Giỏi		
75	2001216069	Phạm Thị Kim	Phượng	Công nghệ thông tin	12DHTH_TD_CN	3,24	Giỏi		
76	2001216310	Nguyễn Thanh	Vi	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,24	Giỏi		
77	2001215808	Đỗ Thành	Huy	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,25	Giỏi		
78	2001215986	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,25	Giỏi		
79	2001216091	Lê Nhật	Quyên	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,26	Giỏi		
80	2001210714	Vô Thị Kim	Giàu	Công nghệ thông tin	12DHTH01_CN	3,27	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
81	2001216098	Nguyễn Phan Như	Quỳnh	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,27	Giỏi		
82	2001215977	Nguyễn Phương Bảo	Ngân	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,28	Giỏi		
83	2001210765	Lê Huỳnh	Đức	Công nghệ thông tin	12DHTH15_CN	3,29	Giỏi		
84	2001216251	Trà Thị Thanh	Trúc	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,29	Giỏi		
85	2001215720	Nguyễn Phương	Điện	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,30	Giỏi		
86	2001215896	Lê Gia	Kiệt	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,30	Giỏi		
87	2001215985	Bùi Phan Bảo	Ngọc	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,30	Giỏi		
88	2001216289	Bạch Minh	Tuyên	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,30	Giỏi		
89	2001215623	Trần Gia	Bảo	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,31	Giỏi		
90	2001216142	Trần Ngọc	Thanh	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,31	Giỏi		
91	2001215644	Trần Chí	Công	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,32	Giỏi		
92	2001216261	Cù Đức	Trường	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,32	Giỏi		
93	2001215764	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Công nghệ thông tin	12DHTH13_CN	3,33	Giỏi		
94	2001215770	Cao Hoàng Minh	Hiếu	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,33	Giỏi		
95	2001210289	Huỳnh Công	Huy	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,33	Giỏi		
96	2001215899	Hồ Mỹ	Kim	Công nghệ thông tin	12DHTH_TD_CN	3,33	Giỏi		
97	2001216199	Nguyễn Minh	Thư	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,34	Giỏi		
98	2001216077	Lương Công Nhã	Quân	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,35	Giỏi		
99	2001210055	Nguyễn Văn Chí	Thanh	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,35	Giỏi		
100	2001215823	Nguyễn Quốc Gia	Huy	Công nghệ thông tin	12DHTH16_CN	3,36	Giỏi		
101	2001216194	Hà Tri	Thủy	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,36	Giỏi		
102	2001215585	Nguyễn Quốc	An	Công nghệ thông tin	12DHTH01_CN	3,37	Giỏi		
103	2001210240	Cao Tấn	Công	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,37	Giỏi		
104	2001210542	Huỳnh Phước	Sang	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,37	Giỏi		
105	2001216293	Nguyễn Thanh	Tuyền	Công nghệ thông tin	12DHTH_TD_CN	3,37	Giỏi		
106	2001216188	Ngô Hoàng	Thông	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,37	Giỏi		
107	2001215735	Nguyễn Hoàng	Gia	Công nghệ thông tin	12DHTH07_CN	3,38	Giỏi		
108	2001215761	Hồ Thị Thu	Hiền	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,38	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
109	2001215811	Hồ Hoàng	Huy	Công nghệ thông tin	12DHTH01_CN	3,38	Giỏi		
110	2001215625	Cao Hoàng Khánh	Băng	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,39	Giỏi		
111	2001215740	Nguyễn Thị Thu	Hà	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,39	Giỏi		
112	2001216311	Vũ Thị Huyền	Vi	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,39	Giỏi		
113	2001216215	Nguyễn Quốc	Tiến	Công nghệ thông tin	12DHTH01_CN	3,40	Giỏi		
114	2001216139	Nguyễn Quốc	Thái	Công nghệ thông tin	12DHTH12_CN	3,40	Giỏi		
115	2001216125	Nguyễn Văn Hoàng	Tâm	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,41	Giỏi		
116	2001210976	Hoàng Thị Minh	Anh	Công nghệ thông tin	12DHTH11_CN	3,42	Giỏi		
117	2001215672	Nguyễn Khánh	Duy	Công nghệ thông tin	12DHTH03_CN	3,43	Giỏi		
118	2001216221	Đỗ Bảo	Toàn	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,43	Giỏi		
119	2001216316	Phan Ngọc Bảo	Vinh	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,43	Giỏi		
120	2001210412	Trần Thị Ngọc	Nhi	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,44	Giỏi		
121	2001216141	Phan Thế	Thanh	Công nghệ thông tin	12DHTH02_CN	3,45	Giỏi		
122	2001216073	Ngô Thành	Quang	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,47	Giỏi		
123	2001210004	Lưu Đức	Vinh	Công nghệ thông tin	12DHTH04_CN	3,47	Giỏi		
124	2001210773	Đặng Thị Kim	Ngân	Công nghệ thông tin	12DHTH_TD_CN	3,48	Giỏi		
125	2001216041	Nguyễn Văn	Phú	Công nghệ thông tin	12DHTH01_CN	3,48	Giỏi		
126	2001215608	Bùi Quốc	Bảo	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,49	Giỏi		
127	2033210989	Lê Hoài	Nam	Công nghệ thông tin	12DHTH14_CN	3,50	Giỏi		
128	2001215939	Nguyễn Thành	Luân	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,52	Giỏi		
129	2001215864	Huỳnh Vương Hữu	Khánh	Công nghệ thông tin	12DHTH07_CN	3,54	Giỏi		
130	2001215885	Trần Hoàng	Khôi	Công nghệ thông tin	12DHTH05_CN	3,58	Giỏi		
131	2005210625	Vương Gia	Tuệ	Công nghệ thực phẩm	12DHTP01_CN	3,60	Xuất sắc		
132	2005218126	Nguyễn Văn	Tùng	Công nghệ thực phẩm	12DHTP_TD_CN	3,61	Xuất sắc		
133	2005210003	Nguyễn Nhã	Thy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP01_CN	3,63	Xuất sắc		
134	2005210856	Nguyễn Minh	Thư	Công nghệ thực phẩm	12DHTP04_CN	3,64	Xuất sắc		
135	2005218046	Nguyễn Duy	Thanh	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,68	Xuất sắc		
136	2005218103	Phan Ngọc Phương	Trang	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,68	Xuất sắc		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
137	2005210455	Đặng Hoàng Tường	Vy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,70	Xuất sắc		
138	2005210109	Lê Ngọc	Dung	Công nghệ thực phẩm	12DHTP02_CN	3,20	Giỏi		
139	2005210014	Mai Thị Hồng	Nhung	Công nghệ thực phẩm	12DHTP01_CN	3,20	Giỏi		
140	2005218020	Nguyễn Thị Yên	Phước	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,20	Giỏi		
141	2005218059	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,20	Giỏi		
142	2005217892	Nguyễn Kim	Duy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,21	Giỏi		
143	2005210792	Nguyễn Sa	Đil	Công nghệ thực phẩm	12DHTP01_CN	3,21	Giỏi		
144	2005210195	Lê Thị Hồng	Lan	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,21	Giỏi		
145	2005210585	Bùi Trần Anh	Thy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,21	Giỏi		
146	2005218140	Nguyễn Phương	Vy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,21	Giỏi		
147	2005210008	Huỳnh Ngọc Như	Ý	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,21	Giỏi		
148	2005210894	Đào Ngọc Quỳnh	Giang	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,22	Giỏi		
149	2005217923	Nguyễn Đức Thúy	Hoa	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,22	Giỏi		
150	2005210344	Nguyễn Minh	Thư	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,22	Giỏi		
151	2005218104	Trần Thị Thùy	Trang	Công nghệ thực phẩm	12DHTP_TD_CN	3,22	Giỏi		
152	2005218116	Lê Hoàng Thanh	Trúc	Công nghệ thực phẩm	12DHTP07_CN	3,22	Giỏi		
153	2005217858	Giang Nhật	Anh	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,24	Giỏi		
154	2005211638	Lê Hương	Giang	Công nghệ thực phẩm	12DHTP02_CN	3,24	Giỏi		
155	2005210442	Nguyễn Thành Tuấn	Kiệt	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,24	Giỏi		
156	2005218038	Võ Thị Nhân	Sâm	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,24	Giỏi		
157	2005217908	Nguyễn Thị Ngọc	Giang	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,25	Giỏi		
158	2005210015	Đào Văn Thái	Kiệt	Công nghệ thực phẩm	12DHTP03_CN	3,25	Giỏi		
159	2005210515	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	Công nghệ thực phẩm	12DHTP04_CN	3,25	Giỏi		
160	2005217875	Lê Thị Vĩnh	Bình	Công nghệ thực phẩm	12DHTP07_CN	3,26	Giỏi		
161	2022218200	Lê Thị Phương	Dung	Công nghệ thực phẩm	12DHTP_TD_CN	3,26	Giỏi		
162	2005217893	Nguyễn Minh	Duy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,26	Giỏi		
163	2005218107	Nguyễn Lê	Trâm	Công nghệ thực phẩm	12DHTP07_CN	3,26	Giỏi		
164	2005210325	Phạm Phương	Anh	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,27	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
165	2005211263	Võ Thị Diễm	Quyên	Công nghệ thực phẩm	12DHTP_TD_CN	3,27	Giỏi		
166	2005210373	Trần Quốc	Thắng	Công nghệ thực phẩm	12DHTP04_CN	3,27	Giỏi		
167	2005210028	Tạ Ngọc Bích	Du	Công nghệ thực phẩm	12DHTP03_CN	3,28	Giỏi		
168	2005210342	Phan Thị Hương	Ly	Công nghệ thực phẩm	12DHTP02_CN	3,28	Giỏi		
169	2005217895	Vũ Phương	Duy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,29	Giỏi		
170	2005211254	Nguyễn Hữu	Nguyên	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,29	Giỏi		
171	2005210306	Phạm Hoàng Phương	Thảo	Công nghệ thực phẩm	12DHTP03_CN	3,29	Giỏi		
172	2005210234	Ngô Thị Cẩm	Thương	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,29	Giỏi		
173	2005217939	Đỗ Xuân	Hương	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,30	Giỏi		
174	2005210194	Nguyễn Thị Diễm	My	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,30	Giỏi		
175	2005217909	Trần Huỳnh Bảo	Giang	Công nghệ thực phẩm	12DHTP02_CN	3,31	Giỏi		
176	2005211258	Phạm Thị	Hậu	Công nghệ thực phẩm	12DHTP04_CN	3,33	Giỏi		
177	2006218166	Trương Thị Yến	Nhi	Công nghệ thực phẩm	12DHTP07_CN	3,33	Giỏi		
178	2005218034	Mai Thị Mỹ	Quyên	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,33	Giỏi		
179	2005210362	Võ Tường	Vy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,33	Giỏi		
180	2005210964	Nguyễn Thị Phương	Hà	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,34	Giỏi		
181	2005218084	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,34	Giỏi		
182	2005217888	Lê Thị	Diệu	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,35	Giỏi		
183	2005217921	Lê Đỗ Kim	Hiếu	Công nghệ thực phẩm	12DHTP07_CN	3,35	Giỏi		
184	2005217959	Lê Thị Kim	Lộc	Công nghệ thực phẩm	12DHTP07_CN	3,35	Giỏi		
185	2005210388	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,35	Giỏi		
186	2005218028	Bùi Minh	Quân	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,36	Giỏi		
187	2005210846	Đoàn Thảo Triệu	Vy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,36	Giỏi		
188	2005210219	Lê Thị Ngọc	Huệ	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,37	Giỏi		
189	2005210920	Nguyễn Huỳnh Ý	Nhi	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,37	Giỏi		
190	2005218036	Nguyễn Thị Diệu	Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,37	Giỏi		
191	2005218090	Tạ Quỳnh Thủy	Tiên	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,37	Giỏi		
192	2022210047	Trần Thị Thúy	An	Công nghệ thực phẩm	12DHTP_TD_CN	3,38	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
193	2005211102	Lê Thị Tuyết	Nhi	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,38	Giỏi		
194	2005218037	Trần Phương	Quỳnh	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,38	Giỏi		
195	2022218180	Lê Thái	An	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,39	Giỏi		
196	2005210744	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,42	Giỏi		
197	2005210749	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,43	Giỏi		
198	2005210566	Huỳnh Thị Kiều	Trình	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,43	Giỏi		
199	2005210207	Nguyễn Hồng	Ngọc	Công nghệ thực phẩm	12DHTP01_CN	3,44	Giỏi		
200	2005212131	Nguyễn Lương Quang	Trường	Công nghệ thực phẩm	12DHTP06_CN	3,46	Giỏi		
201	2005218113	Hồ Thị Mỹ	Trình	Công nghệ thực phẩm	12DHTP07_CN	3,47	Giỏi		
202	2005218065	Nguyễn Hoàng	Thắng	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,50	Giỏi		
203	2005210380	Phùng Gia	Mẫn	Công nghệ thực phẩm	12DHTP_TD_CN	3,51	Giỏi		
204	2005211202	Lý Ngọc Đoan	Trang	Công nghệ thực phẩm	12DHTP02_CN	3,53	Giỏi		
205	2005217952	Nguyễn Thị	Lê	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,54	Giỏi		
206	2005217969	Võ Thị Thúy	Muội	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,54	Giỏi		
207	2005210742	Phan Huỳnh	Như	Công nghệ thực phẩm	12DHTP04_CN	3,54	Giỏi		
208	2005210989	Nguyễn Anh	Thy	Công nghệ thực phẩm	12DHTP05_CN	3,54	Giỏi		
209	2005218047	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	Công nghệ thực phẩm	12DHTP08_CN	3,55	Giỏi		
210	2005217919	Hồ Thị Thu	Hiền	Công nghệ thực phẩm	12DHTP09_CN	3,56	Giỏi		
211	2005210794	Đinh Quốc	Tuấn	Công nghệ thực phẩm	12DHTP04_CN	3,56	Giỏi		
212	2022210276	Nguyễn Tấn	Thịnh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	12DHDB01_CN	3,26	Giỏi		
213	2022218362	Dương Văn	Tiến	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	12DHDB03_CN	3,31	Giỏi		
214	2007214650	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Kế toán	12DHKT08	3,60	Xuất sắc		
215	2007214975	Giang Hà Thu	Xuân	Kế toán	12DHKT10	3,60	Xuất sắc		
216	2007210787	Nguyễn Thị Tuyết	Như	Kế toán	12DHKT05	3,62	Xuất sắc		
217	2007214973	Trương Nguyễn Thúy	Vy	Kế toán	12DHKT12	3,63	Xuất sắc		
218	2007214855	Nguyễn Lê Ngọc	Quyên	Kế toán	12DHKT09	3,66	Xuất sắc		
219	2007214802	Huỳnh Yến	Nhi	Kế toán	12DHKT_TD	3,68	Xuất sắc		
220	2007214610	Trần Thị	Diệu	Kế toán	12DHKT_TD	3,69	Xuất sắc		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
221	2007214812	Trần Phạm Ý	Nhi	Kế toán	12DHKT_TD	3,69	Xuất sắc		
222	2007214780	Lê Thị Bích	Ngọc	Kế toán	12DHKT_TD	3,70	Xuất sắc		
223	2007214850	Lê Thị Kim	Phượng	Kế toán	12DHKT07	3,74	Xuất sắc		
224	2007214637	Thái Thị Kim	Điền	Kế toán	12DHKT09	3,79	Xuất sắc		
225	2007214591	Nguyễn Thúy	Anh	Kế toán	12DHKT09	3,21	Giỏi		
226	2007214651	Phan Thị Mỹ	Hạnh	Kế toán	12DHKT07	3,21	Giỏi		
227	2007214773	Nguyễn Xuân Phượng	Ngân	Kế toán	12DHKT11	3,21	Giỏi		
228	2007210812	Dương Thị Thanh	Nhân	Kế toán	12DHKT02	3,21	Giỏi		
229	2007214879	Hồng Phương	Thảo	Kế toán	12DHKT08	3,21	Giỏi		
230	2007214966	Đặng Thị Thảo	Vy	Kế toán	12DHKT10	3,21	Giỏi		
231	2007214877	Nguyễn Giang	Thanh	Kế toán	12DHKT10	3,22	Giỏi		
232	2007210562	Thân Ngọc Bảo	Trân	Kế toán	12DHKT05	3,22	Giỏi		
233	2007210505	Trần Hoàng Hạ	Vy	Kế toán	12DHKT01	3,22	Giỏi		
234	2007211043	Nguyễn Phương	Nhung	Kế toán	12DHKT12	3,23	Giỏi		
235	2007214645	Nguyễn Thị Thu	Hà	Kế toán	12DHKT10	3,24	Giỏi		
236	2007214708	Cao Trung	Kiên	Kế toán	12DHKT12	3,24	Giỏi		
237	2007214743	Nguyễn Thị Hà	Mi	Kế toán	12DHKT_TD	3,24	Giỏi		
238	2007214786	Phạm Thị Hồng	Ngọc	Kế toán	12DHKT07	3,24	Giỏi		
239	2007211021	Phạm Huỳnh Phương	Trình	Kế toán	12DHKT09	3,24	Giỏi		
240	2007210537	Huỳnh Trúc	Ly	Kế toán	12DHKT05	3,25	Giỏi		
241	2007214741	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	Kế toán	12DHKT10	3,25	Giỏi		
242	2007210991	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Kế toán	12DHKT03	3,25	Giỏi		
243	2007210866	Phan Thị Thúy	Kiều	Kế toán	12DHKT02	3,26	Giỏi		
244	2007214733	Phạm Thị Ngọc	Luyến	Kế toán	12DHKT11	3,26	Giỏi		
245	2007210672	Đoàn Thị Huỳnh	Như	Kế toán	12DHKT04	3,27	Giỏi		
246	2007214589	Nguyễn Thị Lan	Anh	Kế toán	12DHKT12	3,29	Giỏi		
247	2007214844	Trần Hoàng	Phụng	Kế toán	12DHKT11	3,29	Giỏi		
248	2007210198	Hứa Thị Quế	Trang	Kế toán	12DHKT12	3,30	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
249	2007214726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Kế toán	12DHKT04	3,31	Giỏi		
250	2007210805	Nguyễn Thị Yến	Phương	Kế toán	12DHKT06	3,31	Giỏi		
251	2007210054	Phan Võ Quốc	Quy	Kế toán	12DHKT_TD	3,31	Giỏi		
252	2007214895	Võ Lê Ngọc	Thịnh	Kế toán	12DHKT08	3,31	Giỏi		
253	2007214918	Vũ Ngọc Anh	Thư	Kế toán	12DHKT09	3,31	Giỏi		
254	2007214964	Thái Thị Xuân	Vinh	Kế toán	12DHKT09	3,31	Giỏi		
255	2007214866	Nguyễn Ngọc Kim	Sa	Kế toán	12DHKT08	3,32	Giỏi		
256	2007210624	Đỗ Phan Anh	Tài	Kế toán	12DHKT02	3,32	Giỏi		
257	2007214600	Lương Minh	Châu	Kế toán	12DHKT09	3,33	Giỏi		
258	2007214778	Bùi Thị Hiền	Ngoan	Kế toán	12DHKT07	3,33	Giỏi		
259	2013210579	Vũ Thị Thu	Thảo	Kế toán	12DHKT03	3,33	Giỏi		
260	2007210849	Phạm Lê Trà	Giang	Kế toán	12DHKT04	3,34	Giỏi		
261	2007214779	Bùi Châu	Ngọc	Kế toán	12DHKT11	3,34	Giỏi		
262	2007214903	Trần Thị Phương	Thùy	Kế toán	12DHKT12	3,34	Giỏi		
263	2007214652	Phan Thị Mỹ	Hạnh	Kế toán	12DHKT09	3,35	Giỏi		
264	2007214670	Trương Thị Kim	Hậu	Kế toán	12DHKT12	3,35	Giỏi		
265	2007214775	Trần Thị Mộng	Nghi	Kế toán	12DHKT09	3,35	Giỏi		
266	2007214836	Hoàng Thị Kim	Oanh	Kế toán	12DHKT09	3,35	Giỏi		
267	2007214851	Nguyễn Thị	Phượng	Kế toán	12DHKT07	3,35	Giỏi		
268	2007210706	Nguyễn Thị Anh	Đào	Kế toán	12DHKT01	3,36	Giỏi		
269	2007214882	Nguyễn Minh	Thảo	Kế toán	12DHKT12	3,36	Giỏi		
270	2007210788	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Kế toán	12DHKT05	3,38	Giỏi		
271	2007214816	Văn Hồng Thảo	Nhi	Kế toán	12DHKT06	3,38	Giỏi		
272	2007214847	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Kế toán	12DHKT06	3,39	Giỏi		
273	2007214884	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Kế toán	12DHKT09	3,39	Giỏi		
274	2007214584	Lê Thị Lan	Anh	Kế toán	12DHKT_TD	3,40	Giỏi		
275	2007210277	Lâm Thanh	Hiền	Kế toán	12DHKT01	3,40	Giỏi		
276	2007214806	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Kế toán	12DHKT09	3,40	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
277	2007214731	Hồ Thị Mai Thanh	Loan	Kế toán	12DHKT_TD	3,41	Giỏi		
278	2007214695	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	Kế toán	12DHKT07	3,42	Giỏi		
279	2007214803	Ngô Quỳnh	Nhi	Kế toán	12DHKT11	3,43	Giỏi		
280	2007214679	Đào Ngô Hồng	Hiếu	Kế toán	12DHKT09	3,44	Giỏi		
281	2007214730	Bùi Kim	Loan	Kế toán	12DHKT09	3,45	Giỏi		
282	2007214840	Lê Thị	Phấn	Kế toán	12DHKT09	3,45	Giỏi		
283	2007214627	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Kế toán	12DHKT10	3,47	Giỏi		
284	2007214632	Đỗ Thị Anh	Đào	Kế toán	12DHKT07	3,48	Giỏi		
285	2007210190	Đoàn Thanh	Hiền	Kế toán	12DHKT01	3,48	Giỏi		
286	2007210085	Đặng Hải	Linh	Kế toán	12DHKT01	3,49	Giỏi		
287	2007214722	Ngô Thị Bảo	Linh	Kế toán	12DHKT07	3,49	Giỏi		
288	2007214693	Thái Thị Ngọc	Huyền	Kế toán	12DHKT_TD	3,50	Giỏi		
289	2007212231	Nguyễn Thị Thủy	Nguyên	Kế toán	12DHKT_TD	3,50	Giỏi		
290	2007214824	Lê Thị Quỳnh	Như	Kế toán	12DHKT10	3,50	Giỏi		
291	2007214893	Ôn Mộng	Thi	Kế toán	12DHKT07	3,50	Giỏi		
292	2007214897	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	Kế toán	12DHKT07	3,50	Giỏi		
293	2007214792	Lê Trần Bảo	Nguyên	Kế toán	12DHKT11	3,53	Giỏi		
294	2007214942	Lê Ngọc Diễm	Trình	Kế toán	12DHKT11	3,54	Giỏi		
295	2007214845	Lê Thị Thu	Phương	Kế toán	12DHKT10	3,56	Giỏi		
296	2007214907	Đặng Trần Anh	Thư	Kế toán	12DHKT12	3,56	Giỏi		
297	2007210674	Võ Nguyễn Yến	Nhi	Kế toán	12DHKT03	3,57	Giỏi		
298	2036213690	Hoàng Thị Quỳnh	Giang	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,60	Xuất sắc		
299	2036213901	Nguyễn Trịnh Tố	Trân	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,62	Xuất sắc		
300	2036213911	Phạm Quốc	Trung	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,66	Xuất sắc		
301	2036213764	Lê Thị Huỳnh	Mai	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,67	Xuất sắc		
302	2036213800	Ngô Thị Kim	Nhàng	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,68	Xuất sắc		
303	2036213668	Hoàng Thị Kim	Chi	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,20	Giỏi		
304	2036213727	Bạch Thị Quỳnh	Hương	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT03	3,20	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
305	2036213844	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,20	Giỏi		
306	2036213704	Trần Thị Mỹ	Hằng	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,21	Giỏi		
307	2036213814	Trần Phạm Phương	Nhung	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,21	Giỏi		
308	2036213839	Hoàng Văn	Phường	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,21	Giỏi		
309	2036213894	Phạm Thị Sang	Trang	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,21	Giỏi		
310	2036213817	Huỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,22	Giỏi		
311	2036210116	Nguyễn Ngọc Duy	Quyên	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT07	3,23	Giỏi		
312	2036213672	Đặng Thanh	Cường	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,24	Giỏi		
313	2036210516	Lê Đặng Anh	Thư	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT01	3,24	Giỏi		
314	2036213677	Huỳnh Thị Xuân	Diệu	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,25	Giỏi		
315	2036213685	Nguyễn Quốc Kỳ	Duyên	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,25	Giỏi		
316	2036213745	Nguyễn Khánh	Linh	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,26	Giỏi		
317	2036213752	Phan Hồng	Loan	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,26	Giỏi		
318	2036213815	Bùi Thị Yến	Như	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,26	Giỏi		
319	2036213680	Nguyễn Thanh	Dung	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,27	Giỏi		
320	2036213683	Đoàn Thị Cẩm	Duyên	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,28	Giỏi		
321	2036213786	Trương Nguyễn Hoàng	Ngân	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,28	Giỏi		
322	2036213925	Trần Thị Thu	Vân	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,28	Giỏi		
323	2036213878	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,29	Giỏi		
324	2036213667	Trần Thị Ngọc	Châu	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,31	Giỏi		
325	2036213913	Hoàng Văn Anh	Tuấn	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT03	3,32	Giỏi		
326	2036213665	Lê Thị Ngọc	Châu	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT07	3,33	Giỏi		
327	2036213804	Lê Thị Yến	Nhi	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,33	Giỏi		
328	2036210005	Nguyễn Ngọc	Tuyền	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT07	3,33	Giỏi		
329	2036213688	Lê Hồng	Gấm	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,36	Giỏi		
330	2036210565	Vũ Thị Thu	Hiền	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT01	3,38	Giỏi		
331	2036213798	Phan Thị Thu	Nguyệt	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,38	Giỏi		
332	2036210440	Trần Thị Bảo	Trân	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT01	3,38	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
333	2036213706	Trần Thị Thúy	Hằng	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,40	Giỏi		
334	2036213663	Dương Thị Bảo	Châu	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,43	Giỏi		
335	2036213746	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT06	3,43	Giỏi		
336	2036213796	Đoàn Thị Ánh	Nguyệt	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,45	Giỏi		
337	2036213738	Nguyễn Thị Hồng	Lê	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT07	3,47	Giỏi		
338	2036213736	Phan Thị Trúc	Lam	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,48	Giỏi		
339	2036213873	Đoàn Thị Thanh	Thùy	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,52	Giỏi		
340	2036213648	Trần Văn	An	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT07	3,53	Giỏi		
341	2036213890	Đặng Thị Hồng	Trang	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT05	3,53	Giỏi		
342	2036213908	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT03	3,54	Giỏi		
343	2036213834	Đỗ Thị Yến	Phụng	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT07	3,57	Giỏi		
344	2036213865	Đỗ Nguyễn Uyên	Thi	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT04	3,57	Giỏi		
345	2036213717	Đỗ Phú Quốc	Hoàng	Kinh doanh quốc tế	12DHKDQT03	3,58	Giỏi		
346	2043210450	Phan Thị Mỹ	Hồng	Kinh doanh thời trang và dệt may	12DHKDTT02	3,20	Giỏi		
347	2043213938	Tô Thị Kim	Anh	Kinh doanh thời trang và dệt may	12DHKDTT02	3,24	Giỏi		
348	2043210424	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	Kinh doanh thời trang và dệt may	12DHKDTT01	3,27	Giỏi		
349	2043211245	Võ Lê Hoàng	Yến	Kinh doanh thời trang và dệt may	12DHKDTT02	3,40	Giỏi		
350	2043210675	Lý Ngọc Hà	Tiên	Kinh doanh thời trang và dệt may	12DHKDTT01	3,41	Giỏi		
351	2034210062	Lê Kim	Quới	Khoa học chế biến món ăn	12DHNA01_CN	3,30	Giỏi		
352	2034210025	Lê Quang	Dũng	Khoa học chế biến món ăn	12DHNA02_CN	3,31	Giỏi		
353	2034218691	Đào Huỳnh Tuấn	Lợi	Khoa học chế biến món ăn	12DHNA02_CN	3,34	Giỏi		
354	2037215100	Huỳnh	Hương	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,61	Xuất sắc		
355	2037215153	Phạm Thanh	Ngân	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,61	Xuất sắc		
356	2037210509	Lê Thị Mai	Phương	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,61	Xuất sắc		
357	2037215318	Tạ Thị Huyền	Trang	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,62	Xuất sắc		
358	2037210526	Phan Văn	Huy	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,63	Xuất sắc		
359	2037215007	Nhâm Nguyễn Ngọc	Anh	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,64	Xuất sắc		
360	2037215147	Lê Thanh	Ngân	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,64	Xuất sắc		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
361	2037215011	Trần Thị Diệu	Anh	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,65	Xuất sắc		
362	2037215232	Lương Vũ Hoàng	Phượng	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,72	Xuất sắc		
363	2037212234	Đinh Hồng	Ngọc	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,73	Xuất sắc		
364	2037215081	Nguyễn Thị	Hiền	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,74	Xuất sắc		
365	2037210372	Phạm Thị Như	Quỳnh	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,74	Xuất sắc		
366	2037215191	Phùng Thị Tú	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,75	Xuất sắc		
367	2037215030	Nguyễn Thị Cẩm	Chi	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,76	Xuất sắc		
368	2037210333	Đoàn Phạm	Hùng	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,76	Xuất sắc		
369	2037215083	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,77	Xuất sắc		
370	2037215129	Hồ Ái	Loan	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,78	Xuất sắc		
371	2037215058	Lê Minh	Đề	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,80	Xuất sắc		
372	2037215023	Trương Ngọc Phương	Bình	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,81	Xuất sắc		
373	2037215118	Dương Ngọc	Linh	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,20	Giỏi		
374	2037215135	Nguyễn Lê Thảo	Ly	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,20	Giỏi		
375	2037210421	Trần Thị Thanh	Ngân	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,20	Giỏi		
376	2037210100	Đỗ Ngọc Minh	Thư	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,20	Giỏi		
377	2037215300	Võ Ngọc Minh	Thư	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,20	Giỏi		
378	2037215013	Trần Thị Lan	Anh	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,21	Giỏi		
379	2037215073	Nguyễn Thúy	Hằng	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,21	Giỏi		
380	2037210502	Liên Ngọc	Hân	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,21	Giỏi		
381	2037215110	Trần Trung	Kiên	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,21	Giỏi		
382	2037210112	Nguyễn Tấn	Phúc	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,21	Giỏi		
383	2037215272	Nguyễn Huỳnh Anh	Thi	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,21	Giỏi		
384	2037215275	Đỗ Quang Minh	Thịnh	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,21	Giỏi		
385	2037215364	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,21	Giỏi		
386	2037215076	Đỗ Trần Bảo	Hân	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,22	Giỏi		
387	2037215322	Lê Thị Ái	Trâm	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,22	Giỏi		
388	2037215180	Lương Lê Hà	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,23	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
389	2037210398	Nguyễn Hồ Xuân	Hương	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,24	Giỏi		
390	2037215155	Đỗ Xuân	Nghi	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,24	Giỏi		
391	2037215280	Lê Xuân	Thùy	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,24	Giỏi		
392	2037210212	Nguyễn Thị Tường	Vy	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,24	Giỏi		
393	2037210362	Lê Thị Tường	Vy	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,24	Giỏi		
394	2037215387	Lê Thị Thuỳ	Yến	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,24	Giỏi		
395	2037215160	Lê Thị Hồng	Ngọc	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,25	Giỏi		
396	2037215252	Huỳnh Ngọc	Tâm	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,25	Giỏi		
397	2037215304	Nguyễn An	Thy	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,25	Giỏi		
398	2037215161	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,26	Giỏi		
399	2037215384	Nguyễn Tú	Xuân	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,26	Giỏi		
400	2037215176	Nguyễn Thái	Nhật	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,27	Giỏi		
401	2037210083	Lê Ngọc Thanh	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,27	Giỏi		
402	2037210508	Trần Nữ Hoài	Thương	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,27	Giỏi		
403	2037210389	Võ Nguyễn Trúc	My	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,28	Giỏi		
404	2037214991	Trịnh Phúc	An	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,29	Giỏi		
405	2037210504	Châu Nguyễn Bảo	Long	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,29	Giỏi		
406	2037215236	Cao Như	Quỳnh	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,29	Giỏi		
407	2037215258	Nguyễn Quốc	Thái	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,29	Giỏi		
408	2037215277	Phạm Hồng	Thoa	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,29	Giỏi		
409	2037215336	Đồng Thị Kim	Trúc	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,29	Giỏi		
410	2037215383	Vương Trần Khánh	Vy	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,29	Giỏi		
411	2037215079	Tạ Gia	Hân	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,30	Giỏi		
412	2037215310	Phạm Nguyễn Lam	Tiên	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,30	Giỏi		
413	2037215264	Đoàn Thị Phương	Thảo	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,30	Giỏi		
414	2037215035	Bùi Thị	Chúc	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,31	Giỏi		
415	2037215117	Bùi Phương	Linh	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,32	Giỏi		
416	2037215381	Trần Nguyễn Tường	Vy	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,32	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
417	2037210371	Mo Ham Mach Ha Ra	Fin	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,33	Giỏi		
418	2037215287	Ngô	Thuyền	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,33	Giỏi		
419	2037210310	Trần Nhật	Bun	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,34	Giỏi		
420	2037215250	Phan Cao Trí	Tài	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,34	Giỏi		
421	2037215053	Huỳnh Tấn	Đạt	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,35	Giỏi		
422	2037215106	Phạm Tuyết	Khanh	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,35	Giỏi		
423	2037215132	Phạm Thị Kim	Luân	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,35	Giỏi		
424	2037215141	Hồ Kha	My	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,35	Giỏi		
425	2037215146	Đoàn Thanh	Ngân	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,35	Giỏi		
426	2037215249	Nguyễn Trọng Đức	Tài	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,35	Giỏi		
427	2037210081	Lữ Hân	Hân	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,36	Giỏi		
428	2037215321	Đỗ Dương Bảo	Trâm	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,36	Giỏi		
429	2037210300	Phan Thị Kim	Bằng	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,37	Giỏi		
430	2037215154	Quách Hồng	Ngân	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,37	Giỏi		
431	2037215263	Bùi Lê Thanh	Thảo	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,37	Giỏi		
432	2037210403	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,37	Giỏi		
433	2037215094	Lê Thị Thuý	Huyền	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,38	Giỏi		
434	2037215184	Ngô Thị Yến	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,38	Giỏi		
435	2037215303	Lường Song	Thương	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,38	Giỏi		
436	2037215380	Trần Nguyễn Thúy	Vy	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,38	Giỏi		
437	2037215137	Nguyễn Thị Diễm	Ly	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,39	Giỏi		
438	2037215149	Nguyễn Phúc Hải	Ngân	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,39	Giỏi		
439	2037215214	Sơn Bảo	Như	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,39	Giỏi		
440	2037215349	Lữ Mỹ	Tuyền	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,39	Giỏi		
441	2037215096	Nguyễn Kiều Như	Huỳnh	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,40	Giỏi		
442	2037210027	Phạm Ngọc Kim	Ngân	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,40	Giỏi		
443	2037215248	Trần Thái Thảo	Sương	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,40	Giỏi		
444	2037215327	Trương Quế	Trâm	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,40	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
445	2037215361	Sú Mỹ	Vân	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,40	Giỏi		
446	2037211798	Lưu Trần Diệu	Linh	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,41	Giỏi		
447	2037215138	Nguyễn Thị Trúc	Ly	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,41	Giỏi		
448	2037215207	Lưu Quỳnh	Như	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,41	Giỏi		
449	2037215324	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,41	Giỏi		
450	2037215051	Lê Thảo	Đan	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,42	Giỏi		
451	2037210419	Phan Trần Diệu	Hiền	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,42	Giỏi		
452	2037215173	Nguyễn Trương	Nhã	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,42	Giỏi		
453	2037210273	Lê Yên	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,42	Giỏi		
454	2037210422	Trần Thị Yên	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,43	Giỏi		
455	2037215330	Phạm Ngọc Ái	Trân	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,43	Giỏi		
456	2037210373	Lê Nguyễn Tường	Vi	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,43	Giỏi		
457	2037215074	Võ Thị Ngọc	Hằng	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,44	Giỏi		
458	2037210010	Phạm Hồng	Duy	Luật kinh tế	12DHKTL01	3,45	Giỏi		
459	2037210278	Nguyễn Ngọc Mộng	Giao	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,45	Giỏi		
460	2037215156	Lê Hữu	Nghĩa	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,45	Giỏi		
461	2037215301	Võ Thị Anh	Thư	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,45	Giỏi		
462	2037215326	Trần Thị Ngọc	Trâm	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,45	Giỏi		
463	2037215043	Phạm Quý	Dung	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,46	Giỏi		
464	2037215302	Huỳnh Thị Hà	Thương	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,46	Giỏi		
465	2037214996	Hoàng Lan Tuyết	Anh	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,47	Giỏi		
466	2037215003	Nguyễn Lê Trang	Anh	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,47	Giỏi		
467	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,47	Giỏi		
468	2037215127	Trần Thị Ngọc	Linh	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,47	Giỏi		
469	2037215334	Phùng Thị	Trình	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,47	Giỏi		
470	2037210512	Nguyễn Quang	Tuấn	Luật kinh tế	12DHKTL08	3,48	Giỏi		
471	2037215285	Trần Thị Phương	Thúy	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,48	Giỏi		
472	2037210325	Trần Thị Thu	Hiền	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,49	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
473	2037215169	Trần Khánh	Nguyên	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,49	Giỏi		
474	2037215332	Nguyễn Hoàng Kim	Trinh	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,49	Giỏi		
475	2037215008	Phan Lâm	Anh	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,50	Giỏi		
476	2037215266	Ngô Thị Thanh	Thảo	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,50	Giỏi		
477	2037215042	Ngô Thùy	Dung	Luật kinh tế	12DHKTL07	3,52	Giỏi		
478	2037210307	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,52	Giỏi		
479	2037215251	Đỗ Ái Phương	Tâm	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,53	Giỏi		
480	2037215276	Nguyễn Quốc	Thịnh	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,53	Giỏi		
481	2037215109	Huỳnh Bùi Minh	Khuê	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,55	Giỏi		
482	2037215260	Nguyễn Nhật	Thanh	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,55	Giỏi		
483	2037215284	Trần Tâm Thanh	Thúy	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,55	Giỏi		
484	2037215130	Vũ Thị Kiều	Loan	Luật kinh tế	12DHKTL05	3,56	Giỏi		
485	2037215290	Kha Thị Anh	Thư	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,56	Giỏi		
486	2037215017	Bùi Xuân	Bảo	Luật kinh tế	12DHKTL04	3,57	Giỏi		
487	2037215050	Đỗ Thị Thùy	Dương	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,57	Giỏi		
488	2037210045	Cáp Trọng	Hiếu	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,57	Giỏi		
489	2037215192	Trần Ngọc	Nhi	Luật kinh tế	12DHKTL06	3,57	Giỏi		
490	2037215113	Trần Thị Thanh	Kiều	Luật kinh tế	12DHKTL03	3,58	Giỏi		
491	2037210053	Ngô Mộng Kiều	Oanh	Luật kinh tế	12DHKTL02	3,58	Giỏi		
492	2040213563	Đàm Thùy	Linh	Marketing	12DHQTMK05	3,60	Xuất sắc		
493	2040210171	Trần Ngọc Anh	Thư	Marketing	12DHQTMK03	3,60	Xuất sắc		
494	2040213580	Phạm Thị Hồng	Nhung	Marketing	12DHQTMK07	3,64	Xuất sắc		
495	2040210457	Trang Thanh	Phương	Marketing	12DHQTMK05	3,71	Xuất sắc		
496	2040212265	Nguyễn Thanh	Trúc	Marketing	12DHQTMK06	3,71	Xuất sắc		
497	2040213608	Trần Việt	Thắng	Marketing	12DHQTMK04	3,73	Xuất sắc		
498	2040210509	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Marketing	12DHQTMK01	3,20	Giỏi		
499	2040210409	Lý Quốc	Trung	Marketing	12DHQTMK03	3,20	Giỏi		
500	2023214249	Châu Thị Thanh	Hương	Marketing	12DHQTMK01	3,21	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
501	2036212205	Huỳnh Anh	Thư	Marketing	12DHQTMK05	3,21	Giỏi		
502	2040213523	Nguyễn Thị Anh	Đào	Marketing	12DHQTMK07	3,22	Giỏi		
503	2040213559	Hoàng Thị Ngọc	Lan	Marketing	12DHQTMK05	3,22	Giỏi		
504	2040213541	Nguyễn Đức	Hùng	Marketing	12DHQTMK06	3,23	Giỏi		
505	2040210408	Lê Văn	Trương	Marketing	12DHQTMK01	3,23	Giỏi		
506	2040213637	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	Marketing	12DHQTMK07	3,23	Giỏi		
507	2040213574	Hồ Thị Yến	Nhi	Marketing	12DHQTMK04	3,24	Giỏi		
508	2040210710	Trần Thị Ngọc	Quyên	Marketing	12DHQTMK04	3,24	Giỏi		
509	2040213524	Nguyễn Tiến	Đạt	Marketing	12DHQTMK05	3,25	Giỏi		
510	2040210309	Đàm Ngọc	Hương	Marketing	12DHQTMK03	3,25	Giỏi		
511	2040210479	Nguyễn Đình An	Nhiên	Marketing	12DHQTMK01	3,25	Giỏi		
512	2040213558	Lê Thúy	Lam	Marketing	12DHQTMK06	3,26	Giỏi		
513	2040213507	Lê Ngọc	Ánh	Marketing	12DHQTMK06	3,28	Giỏi		
514	2040210132	Đặng Thế	Anh	Marketing	12DHQTMK01	3,31	Giỏi		
515	2040210434	Nguyễn Trần Minh	Anh	Marketing	12DHQTMK01	3,32	Giỏi		
516	2040210013	Hà Thị Như	Ý	Marketing	12DHQTMK04	3,33	Giỏi		
517	2040213528	Trần Thị Thu	Hà	Marketing	12DHQTMK07	3,34	Giỏi		
518	2040213535	Lê Minh	Hiếu	Marketing	12DHQTMK06	3,35	Giỏi		
519	2040213579	Huỳnh Tuyết	Nhung	Marketing	12DHQTMK07	3,35	Giỏi		
520	2040213585	Trần Hoàng	Phi	Marketing	12DHQTMK04	3,37	Giỏi		
521	2040213613	Nguyễn Hoàng	Thụ	Marketing	12DHQTMK06	3,38	Giỏi		
522	2040213582	Nguyễn Lê Thanh	Nương	Marketing	12DHQTMK07	3,40	Giỏi		
523	2040213638	Phạm Thị Tường	Vi	Marketing	12DHQTMK07	3,40	Giỏi		
524	2040210592	Mai Hữu	Phúc	Marketing	12DHQTMK03	3,43	Giỏi		
525	2040213604	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Marketing	12DHQTMK07	3,44	Giỏi		
526	2040213504	Nguyễn Thị Huyền	An	Marketing	12DHQTMK06	3,45	Giỏi		
527	2040210004	Triệu Huỳnh	Như	Marketing	12DHQTMK01	3,45	Giỏi		
528	2040213589	La Quý	Phượng	Marketing	12DHQTMK06	3,45	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
529	2040213636	Nguyễn Lê	Uyên	Marketing	12DHQTMK06	3,45	Giỏi		
530	2040213642	Phạm Thảo	Vy	Marketing	12DHQTMK05	3,45	Giỏi		
531	2040210037	Huỳnh Thị Bích	Phuong	Marketing	12DHQTMK04	3,46	Giỏi		
532	2040210413	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Marketing	12DHQTMK02	3,47	Giỏi		
533	2040213566	Bùi Ngọc	Mai	Marketing	12DHQTMK06	3,48	Giỏi		
534	2040213593	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	Marketing	12DHQTMK06	3,49	Giỏi		
535	2040213564	Nguyễn Ngô Thùy	Linh	Marketing	12DHQTMK05	3,52	Giỏi		
536	2040210580	Lê Thị Ngọc	Quý	Marketing	12DHQTMK02	3,52	Giỏi		
537	2040213594	Trương Nguyễn Ái	Quyên	Marketing	12DHQTMK06	3,52	Giỏi		
538	2040213530	Dương Nguyễn Diệu	Hân	Marketing	12DHQTMK06	3,53	Giỏi		
539	2040213600	Võ Thị	Sương	Marketing	12DHQTMK05	3,53	Giỏi		
540	2040213549	Lâm Gia	Khang	Marketing	12DHQTMK05	3,55	Giỏi		
541	2040213539	Nguyễn Thị	Huệ	Marketing	12DHQTMK06	3,56	Giỏi		
542	2040213542	Đặng Gia	Huy	Marketing	12DHQTMK07	3,56	Giỏi		
543	2040213560	Nguyễn Hồng	Liên	Marketing	12DHQTMK04	3,57	Giỏi		
544	2040213633	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Marketing	12DHQTMK06	3,57	Giỏi		
545	2029212566	Trần Thị Thanh	Hà	Ngôn ngữ Anh	12DHAV06	3,62	Xuất sắc		
546	2029212617	Phan Tấn	Khoa	Ngôn ngữ Anh	12DHAV10	3,62	Xuất sắc		
547	2029212605	Vũ Thị Thu	Huyền	Ngôn ngữ Anh	12DHAV04	3,67	Xuất sắc		
548	2029210320	Nguyễn Thị Lưu	Huyền	Ngôn ngữ Anh	12DHAV02	3,70	Xuất sắc		
549	2029212710	Phạm Thị Quỳnh	Như	Ngôn ngữ Anh	12DHAV08	3,71	Xuất sắc		
550	2029212508	Lê Đức	Anh	Ngôn ngữ Anh	12DHAV06	3,73	Xuất sắc		
551	2029212537	Nguyễn Thị Kim	Dung	Ngôn ngữ Anh	12DHAV05	3,20	Giỏi		
552	2029212764	Ngô Hồng	Thắm	Ngôn ngữ Anh	12DHAV09	3,20	Giỏi		
553	2029212803	Nguyễn Thị	Trang	Ngôn ngữ Anh	12DHAV05	3,20	Giỏi		
554	2029210535	Mai Huỳnh Anh	Vũ	Ngôn ngữ Anh	12DHAV01	3,20	Giỏi		
555	2029210530	Vũ Nguyễn Mạnh	Cường	Ngôn ngữ Anh	12DHAV02	3,21	Giỏi		
556	2029212665	Võ Ngọc Kim	Ngân	Ngôn ngữ Anh	12DHAV10	3,23	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
557	2029212678	Lê Thị Ngọc	Nguyên	Ngôn ngữ Anh	12DHAV04	3,23	Giỏi		
558	2029212865	Trần Thị Thảo	Vy	Ngôn ngữ Anh	12DHAV08	3,23	Giỏi		
559	2029212267	Lê Thị Quỳnh	Như	Ngôn ngữ Anh	12DHAV08	3,24	Giỏi		
560	2029212787	Trần Ngọc Minh	Thư	Ngôn ngữ Anh	12DHAV05	3,24	Giỏi		
561	2029212838	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Ngôn ngữ Anh	12DHAV04	3,24	Giỏi		
562	2029212611	Phạm Đoàn Tuyết	Hương	Ngôn ngữ Anh	12DHAV07	3,25	Giỏi		
563	2029210716	Nguyễn Phạm Hoàng	Dung	Ngôn ngữ Anh	12DHAV03	3,26	Giỏi		
564	2029212719	Từ Vĩnh	Phong	Ngôn ngữ Anh	12DHAV04	3,26	Giỏi		
565	2029212749	Lê Cao	Sang	Ngôn ngữ Anh	12DHAV03	3,26	Giỏi		
566	2029212514	Tổng Thị Phương	Anh	Ngôn ngữ Anh	12DHAV07	3,29	Giỏi		
567	2029210021	Nguyễn Quốc	Khánh	Ngôn ngữ Anh	12DHAV10	3,29	Giỏi		
568	2029212583	Ngô Thúy	Hiền	Ngôn ngữ Anh	12DHAV08	3,30	Giỏi		
569	2029210388	Lê Huỳnh Thúy	An	Ngôn ngữ Anh	12DHAV03	3,31	Giỏi		
570	2029212752	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Ngôn ngữ Anh	12DHAV08	3,31	Giỏi		
571	2029210247	Huỳnh	Mai	Ngôn ngữ Anh	12DHAV03	3,32	Giỏi		
572	2029212643	Nguyễn Ngọc Nam	Long	Ngôn ngữ Anh	12DHAV07	3,33	Giỏi		
573	2029211804	Lê Phương	Duy	Ngôn ngữ Anh	12DHAV03	3,36	Giỏi		
574	2029212711	Trần Huỳnh	Như	Ngôn ngữ Anh	12DHAV07	3,36	Giỏi		
575	2029212858	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	Ngôn ngữ Anh	12DHAV07	3,36	Giỏi		
576	2029212804	Phạm Thảo Huyền	Trang	Ngôn ngữ Anh	12DHAV06	3,38	Giỏi		
577	2029210177	Nguyễn Trương Tuyết	Mai	Ngôn ngữ Anh	12DHAV10	3,40	Giỏi		
578	2029212700	Trần Yến	Nhi	Ngôn ngữ Anh	12DHAV08	3,40	Giỏi		
579	2029212532	Nguyễn Hồng	Diễm	Ngôn ngữ Anh	12DHAV06	3,41	Giỏi		
580	2029212680	Phạm Thị Thanh	Nguyên	Ngôn ngữ Anh	12DHAV10	3,42	Giỏi		
581	2029212770	Lê Ngọc	Thống	Ngôn ngữ Anh	12DHAV05	3,43	Giỏi		
582	2029212774	Nguyễn Minh	Thuận	Ngôn ngữ Anh	12DHAV05	3,43	Giỏi		
583	2029212789	Đinh Việt	Thy	Ngôn ngữ Anh	12DHAV07	3,44	Giỏi		
584	2029212524	Lương Tổ	Châu	Ngôn ngữ Anh	12DHAV03	3,46	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
585	2029212844	Phạm Vũ Thanh	Vân	Ngôn ngữ Anh	12DHAV09	3,46	Giỏi		
586	2029212659	Võ Hào	Nam	Ngôn ngữ Anh	12DHAV08	3,49	Giỏi		
587	2029212534	Đặng Đoàn	Diệp	Ngôn ngữ Anh	12DHAV09	3,50	Giỏi		
588	2029212568	Nguyễn Mậu	Hải	Ngôn ngữ Anh	12DHAV05	3,50	Giỏi		
589	2029212839	Phan Tú	Uyên	Ngôn ngữ Anh	12DHAV05	3,52	Giỏi		
590	2029210143	Lương Tấn	Hào	Ngôn ngữ Anh	12DHAV02	3,55	Giỏi		
591	2029212767	Hoàng Ngọc	Thiên	Ngôn ngữ Anh	12DHAV09	3,57	Giỏi		
592	2029212727	Nguyễn Cao Uyên	Phương	Ngôn ngữ Anh	12DHAV06	3,59	Giỏi		
593	2039212921	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,60	Xuất sắc		
594	2039212983	Nguyễn Kim Ngọc	Ngân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,61	Xuất sắc		
595	2039212877	Đinh Hoài	Anh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,62	Xuất sắc		
596	2039213110	Phạm Thị Nhật	Vy	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,62	Xuất sắc		
597	2039210354	Nguyễn Thị Hồng	Lệ	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,63	Xuất sắc		
598	2039213032	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,63	Xuất sắc		
599	2039210128	Diệp Tú	Ân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,64	Xuất sắc		
600	2039212903	Nguyễn Thùy	Dung	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,65	Xuất sắc		
601	2039213070	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,65	Xuất sắc		
602	2039212914	Huỳnh Thị Trường	Giang	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,66	Xuất sắc		
603	2039213078	Trần Thị Quyền	Trân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,66	Xuất sắc		
604	2039210076	Lê Thị Ngọc	Linh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,67	Xuất sắc		
605	2039213056	Lê Thị Anh	Thư	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,67	Xuất sắc		
606	2039213076	Trần Hoàng Bích	Trâm	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,67	Xuất sắc		
607	2039212939	Nguyễn Ánh	Hoài	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,68	Xuất sắc		
608	2039212929	Nguyễn Thị Bảo	Hân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,69	Xuất sắc		
609	2039212942	Lê Thị	Huyền	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,69	Xuất sắc		
610	2039212968	Nguyễn Thị Trần Hưng	Loan	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,71	Xuất sắc		
611	2039212969	Nguyễn Kim	Lợi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,71	Xuất sắc		
612	2039212991	Huỳnh Bảo	Nghi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,71	Xuất sắc		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
613	2039212949	Lương Sùng	Khang	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,76	Xuất sắc		
614	2039213050	Đinh Thị Lệ	Thu	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,76	Xuất sắc		
615	2039213079	Cao Mỹ	Trinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,78	Xuất sắc		
616	2039213028	Lâm Mỹ	Phương	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,79	Xuất sắc		
617	2039212973	Nguyễn Hà Yến	Ly	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,81	Xuất sắc		
618	2039213095	Tổng Thị Mỹ	Uyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,82	Xuất sắc		
619	2039212948	Nguyễn Thị	Hường	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,85	Xuất sắc		
620	2039212972	Lư Cẩm	Ly	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,85	Xuất sắc		
621	2039212927	Nguyễn Ngọc	Hân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,90	Xuất sắc		
622	2039212978	Trần Huỳnh Diễm	My	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,92	Xuất sắc		
623	2039212923	Hoàng Thị Khánh	Hằng	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,20	Giỏi		
624	2039212954	Lê Thị Nhựt	Lam	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,21	Giỏi		
625	2039210162	Văn Khánh	Ly	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,21	Giỏi		
626	2039212966	Trần Ngọc	Linh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,22	Giỏi		
627	2039212890	Lâm Thị Thanh	Bình	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,24	Giỏi		
628	2039210501	La Thị Tường	Vi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,24	Giỏi		
629	2039212876	Trần Ngọc Vân	An	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,25	Giỏi		
630	2039212887	Tạ Thi	Ân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,25	Giỏi		
631	2039210272	Lương Thúy	Duyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,26	Giỏi		
632	2039212919	Đặng Nguyễn Ngân	Hạ	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,26	Giỏi		
633	2039210059	Dương Thị Hoài	Thương	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,26	Giỏi		
634	2039212935	Trịnh Thu	Hiền	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,28	Giỏi		
635	2039212898	Huỳnh Thị Thúy	Diễm	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,29	Giỏi		
636	2039212981	Lê Thị Tuyết	Ngân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,29	Giỏi		
637	2039210333	Trần Thị Tố	Quyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,29	Giỏi		
638	2039210032	Phạm Nguyễn Ni	Na	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,30	Giỏi		
639	2039213036	Lê Đình	Sơn	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,30	Giỏi		
640	2039212911	Trần Phát	Đạt	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,31	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
641	2039210057	Võ Ngọc Bảo	Trân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,31	Giỏi		
642	2039212955	Lâm Thị Ty	Lan	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,33	Giỏi		
643	2039210231	Lê Thị Hồng	Nhận	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,33	Giỏi		
644	2039213030	Cao Thị Bích	Quyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,33	Giỏi		
645	2039210338	Nguyễn Minh	Phương	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,34	Giỏi		
646	2039210356	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,35	Giỏi		
647	2039210129	Hồ Quế	Hoa	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,36	Giỏi		
648	2039212881	Phan Thị Trà	Anh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,37	Giỏi		
649	2039212910	Nguyễn Thị Thu	Đào	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,38	Giỏi		
650	2039210230	Đỗ Nguyễn Minh	Ngọc	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,38	Giỏi		
651	2039210519	Đặng Thị Kim	Trinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,38	Giỏi		
652	2039210138	Lâm Như	An	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,39	Giỏi		
653	2039210107	Dương Thị Phương	Nhi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,41	Giỏi		
654	2039210282	Phạm Thị Anh	Thư	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,41	Giỏi		
655	2039212934	Trần Thị Diệu	Hiền	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,42	Giỏi		
656	2039213033	Trần Tú	Quyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,42	Giỏi		
657	2039213024	Nguyễn Tâm	Như	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,43	Giỏi		
658	2039210237	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,43	Giỏi		
659	2039210001	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,44	Giỏi		
660	2039210023	Nguyễn Thị Kiều	Mi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,45	Giỏi		
661	2039212891	Lục Thị	Bình	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,46	Giỏi		
662	2039210342	Nguyễn Ngọc Phương	Hân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ02	3,46	Giỏi		
663	2039212941	Nguyễn Ngọc	Hợp	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,47	Giỏi		
664	2039210119	Nguyễn Tấn	Phát	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ01	3,47	Giỏi		
665	2039213006	Chổng Yên	Nhi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,48	Giỏi		
666	2039212875	Nguyễn Thị Thúy	An	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,49	Giỏi		
667	2039210408	Huỳnh Thị Minh	Thùy	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,49	Giỏi		
668	2039212882	Tô Thị Kim	Anh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,50	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
669	2039212924	Ngô Thị Cẩm	Hằng	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,50	Giỏi		
670	2039210309	Nguyễn Thị	Lê	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,50	Giỏi		
671	2039212984	Nguyễn Lê Tuyết	Ngân	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,50	Giỏi		
672	2039213045	Phạm Lê Ngọc	Thảo	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,50	Giỏi		
673	2039213048	Nguyễn Thị Minh	Thị	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,50	Giỏi		
674	2039213020	Lê Ngọc Phương	Như	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,53	Giỏi		
675	2039210030	Lâm Triệu	Vi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,53	Giỏi		
676	2039213052	Đỗ Mỹ	Thúy	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ07	3,55	Giỏi		
677	2039213097	Vũ Thị Tú	Uyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,55	Giỏi		
678	2039210340	Trương Thị Kim	Tuyền	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,56	Giỏi		
679	2039213075	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ04	3,56	Giỏi		
680	2039210240	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ03	3,57	Giỏi		
681	2039213096	Võ Thị Xuân	Uyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,57	Giỏi		
682	2039212975	Ngô Thị Quý	Mùi	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ05	3,58	Giỏi		
683	2039212915	Nguyễn Thị Kiều	Giang	Ngôn ngữ Trung Quốc	12DHTQ06	3,59	Giỏi		
684	2031219623	Trần Cẩm	Ly	Quản lý tài nguyên và môi trường	12DHQLMT03	3,24	Giỏi		
685	2031211312	Nguyễn Minh	Đức	Quản lý tài nguyên và môi trường	12DHQLMT03	3,44	Giỏi		
686	2031210070	Hà Thị Huỳnh	Như	Quản lý tài nguyên và môi trường	12DHQLMT01	3,46	Giỏi		
687	2031210721	Nguyễn Thị Kiều	Nga	Quản lý tài nguyên và môi trường	12DHQLMT02	3,54	Giỏi		
688	2031210407	Nguyễn Thu	Hiền	Quản lý tài nguyên và môi trường	12DHQLMT02	3,55	Giỏi		
689	2031210901	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	Quản lý tài nguyên và môi trường	12DHQLMT02	3,57	Giỏi		
690	2024219006	Hồ Thị Kim	Liên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH02	3,21	Giỏi		
691	2024210024	Dương Kim	Yến	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH01	3,21	Giỏi		
692	2024218962	Trần Hoàng Ngọc	Anh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH02	3,23	Giỏi		
693	2024219041	Phan Thị	Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH03	3,24	Giỏi		
694	2024218967	Vũ Thị Ngọc	Bích	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH03	3,28	Giỏi		
695	2024219067	Lê Hoàng Minh	Thư	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH02	3,31	Giỏi		
696	2024210029	Nguyễn Thị Lan	Vy	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH01	3,33	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
697	2024210021	Trương Thảo	Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH01	3,37	Giỏi		
698	2024219055	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12DHQTDVLH02	3,37	Giỏi		
699	2036213675	Hồ Thị Bích	Diễm	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,62	Xuất sắc		
700	2013210209	Trần Thị Kiều	Vy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD01	3,62	Xuất sắc		
701	2013211366	Lò Thảo	Ngọc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD08	3,63	Xuất sắc		
702	2013210046	Nguyễn Thị Tú	Trình	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD06	3,67	Xuất sắc		
703	2013213493	Nguyễn Thị Hà	Vy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,68	Xuất sắc		
704	2036213883	Nguyễn Ngọc Mai	Thy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,69	Xuất sắc		
705	2013211450	Bùi Phạm Mỹ	Duyên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD05	3,74	Xuất sắc		
706	2013213185	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,74	Xuất sắc		
707	2040213555	Trần Thị Thúy	Kiều	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,74	Xuất sắc		
708	2013211434	Phạm Lê Hồng	Thùy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,74	Xuất sắc		
709	2013210830	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,20	Giỏi		
710	2013210823	Khiếu Thị Hoàng	Xuân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD02	3,20	Giỏi		
711	2013213422	Phạm Thị Anh	Thư	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,21	Giỏi		
712	2013213456	Lê Đặng Thục	Trình	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,21	Giỏi		
713	2013213286	Lê Thị	Na	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,22	Giỏi		
714	2013211169	Lê Thị Thúy	Quỳnh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,22	Giỏi		
715	2013213478	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,22	Giỏi		
716	2013213369	Ngô Thị Phương	Quỳnh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,23	Giỏi		
717	2013213209	Võ Thanh	Hiếu	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,24	Giỏi		
718	2013213224	Đào Thị Kim	Huyền	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD15	3,24	Giỏi		
719	2013213378	Nguyễn Đoàn Anh	Tài	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,24	Giỏi		
720	2013211300	Ngô Thị Kim	Hoa	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,25	Giỏi		
721	2013213315	Đinh Vân	Nhi	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,25	Giỏi		
722	2013213317	Hoàng Thị Uyên	Nhi	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,25	Giỏi		
723	2013210406	Ngô Thị Mỹ	Tiên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,25	Giỏi		
724	2013210324	Trần Thị Phương	Anh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD01	3,26	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
725	2013213311	Lê Thị Ánh	Nguyệt	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,26	Giỏi		
726	2013213346	Lưu HuyNh Phúc	Phúc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,26	Giỏi		
727	2013210756	Ngô Thanh	Dung	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD04	3,27	Giỏi		
728	2013210154	Phan Võ Như	Huỳnh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD04	3,27	Giỏi		
729	2013213269	Lê Văn	Lộc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,28	Giỏi		
730	2013213273	Đinh Thị Huyền	Mai	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,28	Giỏi		
731	2013213426	Nguyễn Đoàn Bảo	Thy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,28	Giỏi		
732	2013210300	Lê Thị Mỹ	Hậu	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD01	3,29	Giỏi		
733	2013210135	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Hương	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD02	3,29	Giỏi		
734	2013213241	Lương Thị Ánh	Kiều	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,29	Giỏi		
735	2013213282	Hoàng Nguyễn Thảo	My	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,29	Giỏi		
736	2013211088	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD04	3,29	Giỏi		
737	2013210466	Nguyễn Ngọc Mai	Trình	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD02	3,29	Giỏi		
738	2013212206	Nguyễn Kim	Nguyên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,31	Giỏi		
739	2013213312	Thân Thị Thanh	Nhã	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,31	Giỏi		
740	2013213328	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,31	Giỏi		
741	2013213385	Võ Thị Thanh	Tâm	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,31	Giỏi		
742	2013213434	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,31	Giỏi		
743	2013213435	Bạch Hoàng Kim	Trang	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,31	Giỏi		
744	2013210828	Lưu Thị Mỹ	Huyền	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD07	3,32	Giỏi		
745	2013213387	Phạm Đức	Thái	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,32	Giỏi		
746	2013211091	Nguyễn Thanh Anh	Thủy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD03	3,32	Giỏi		
747	2013213496	Phạm Mai Tường	Vy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,32	Giỏi		
748	2036213720	Nguyễn Kim	Huệ	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,33	Giỏi		
749	2013210183	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD03	3,33	Giỏi		
750	2013213395	Từ Thị Thu	Thảo	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,33	Giỏi		
751	2013213499	Trần Thị Thanh	Xuân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,33	Giỏi		
752	2013213199	Trần Thị Thu	Hằng	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,34	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
753	2036213787	Võ Kim	Ngân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,34	Giỏi		
754	2013213295	Trần Nữ Thanh	Ngân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,34	Giỏi		
755	2013210310	Nguyễn Quang	Huy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,35	Giỏi		
756	2040213554	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,35	Giỏi		
757	2040213587	Nguyễn Văn	Phúc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,35	Giỏi		
758	2013213364	Nguyễn Thanh Thảo	Quyên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,35	Giỏi		
759	2013210818	Nguyễn Gia	Minh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD02	3,36	Giỏi		
760	2013210691	Trần Nguyễn Khôi	Nguyên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,36	Giỏi		
761	2013210289	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,36	Giỏi		
762	2013213191	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,37	Giỏi		
763	2013211007	Lê Thị Diễm	Hương	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,37	Giỏi		
764	2013211213	Đoàn Ngọc	Nhi	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD15	3,37	Giỏi		
765	2013213377	Lê Văn	Tài	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,37	Giỏi		
766	2013210577	Nguyễn Ngọc	Giàu	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,38	Giỏi		
767	2013213120	Bùi Thị Minh	Anh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,39	Giỏi		
768	2013213413	Vũ Thị Thanh	Thúy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD15	3,39	Giỏi		
769	2013210090	Nguyễn Kiều	Trâm	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD02	3,39	Giỏi		
770	2013211298	Ngô Hoàng	Anh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD08	3,40	Giỏi		
771	2013213152	Lê Thị Kim	Dung	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,40	Giỏi		
772	2013210094	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD06	3,40	Giỏi		
773	2013213296	Trần Thị Mỹ	Ngân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,40	Giỏi		
774	2013213221	Nguyễn Thị	Huyền	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,41	Giỏi		
775	2013212175	Tăng Ngọc Thiên	Kim	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,42	Giỏi		
776	2013213417	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,42	Giỏi		
777	2013213248	Bùi Huỳnh	Liên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,43	Giỏi		
778	2013213271	Lê Thị Cẩm	Ly	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,43	Giỏi		
779	2013210469	Vũ Thị Nhã	Nghi	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD01	3,43	Giỏi		
780	2013211359	Hoàng Xuân	Thủy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD02	3,43	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
781	2013213437	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,44	Giỏi		
782	2013213219	Đỗ Thị Mỹ	Huyền	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,45	Giỏi		
783	2013213416	Lê Hoàng Anh	Thư	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD11	3,45	Giỏi		
784	2013213203	Bùi Thị	Hiền	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD15	3,46	Giỏi		
785	2036210623	Nguyễn Tấn	Tài	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,46	Giỏi		
786	2013213462	Lê Thanh	Trúc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,46	Giỏi		
787	2013213119	Bùi Phương	Anh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,47	Giỏi		
788	2013213179	Nguyễn Duy	Đức	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,47	Giỏi		
789	2013213277	Ngô Duy	Minh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,47	Giỏi		
790	2013213303	Hoàng Thị Bích	Ngọc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,47	Giỏi		
791	2040213506	Đặng Quỳnh	Anh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,48	Giỏi		
792	2013213233	Đào Trương Công	Khải	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD15	3,48	Giỏi		
793	2013213258	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,48	Giỏi		
794	2013213299	Huỳnh Thị Bích	Nghi	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,49	Giỏi		
795	2013210164	Trần Thị Mai	Phương	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD07	3,49	Giỏi		
796	2013213368	Lâm Như	Quỳnh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD12	3,49	Giỏi		
797	2013213443	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,49	Giỏi		
798	2013213495	Phan Tường	Vy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,49	Giỏi		
799	2013213239	Mông Tăng	Khương	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,50	Giỏi		
800	2013213474	Trần Mỹ	Uyên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,50	Giỏi		
801	2013210537	Hoàng Bảo	Kim	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,51	Giỏi		
802	2013210463	Trần Thị Ngọc	Hân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD06	3,52	Giỏi		
803	2013213302	Đặng Hồng	Ngọc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,52	Giỏi		
804	2013213362	Nguyễn Minh Lệ	Quyên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD15	3,52	Giỏi		
805	2013213372	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD15	3,52	Giỏi		
806	2013213207	Hà Trung	Hiếu	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,53	Giỏi		
807	2013210613	Cao Hoàng Thúy	Kiều	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,53	Giỏi		
808	2013211479	Nguyễn Yến Phương	Thảo	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD05	3,53	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
809	2013211068	Lê Thị Nhã	Vy	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD02	3,53	Giỏi		
810	2013213143	Võ Thị Kim	Chi	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,54	Giỏi		
811	2040213536	Đinh Lê Ánh	Hoa	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,54	Giỏi		
812	2013213192	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,55	Giỏi		
813	2036213719	Mai Thị Nguyệt	Hồng	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,55	Giỏi		
814	2013213293	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD10	3,56	Giỏi		
815	2013210827	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD04	3,56	Giỏi		
816	2013213301	Đinh Tiểu	Ngọc	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD13	3,57	Giỏi		
817	2013213206	Huỳnh Thị Thu	Hiền	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD14	3,58	Giỏi		
818	2013213146	Nguyễn Việt	Cường	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD09	3,59	Giỏi		
819	2040213553	Nguyễn Vũ Trung	Kiên	Quản trị kinh doanh	12DHQTKD_TD	3,59	Giỏi		
820	2041214074	Nguyễn Thanh	Quy	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP04	3,25	Giỏi		
821	2041210119	Võ Hồng	Minh	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP01	3,31	Giỏi		
822	2041214069	Bùi Thị Thúy	Phương	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP03	3,32	Giỏi		
823	2041214020	Lê Thị Mỹ	Hoa	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP03	3,39	Giỏi		
824	2041214025	Nguyễn Quỳnh	Hương	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP02	3,42	Giỏi		
825	2041214083	Nguyễn Ngọc	Thiện	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP03	3,43	Giỏi		
826	2041210101	Nguyễn Thanh	Trúc	Quản trị kinh doanh thực phẩm	12DHQTTP01	3,52	Giỏi		
827	2038219123	Phạm Ngọc	Điệp	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,21	Giỏi		
828	2038219267	Nguyễn Thị Thu	Trang	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,21	Giỏi		
829	2038219301	Đặng Ngọc Thúy	Vy	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,21	Giỏi		
830	2038219295	Nguyễn Thị Tường	Vi	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,23	Giỏi		
831	2038219125	Bùi Hữu	Đức	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,24	Giỏi		
832	2038210066	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	Quản trị khách sạn	12DHQTKS02	3,24	Giỏi		
833	2038219152	Võ Quang	Hưng	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,26	Giỏi		
834	2038210124	Võ Thị Diễm	Lệ	Quản trị khách sạn	12DHQTKS02	3,29	Giỏi		
835	2038219210	Hà Huỳnh	Như	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,29	Giỏi		
836	2038219217	Nguyễn Thị Ánh	Phi	Quản trị khách sạn	12DHQTKS03	3,29	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
837	2038219287	Dương Hoàng	Tuấn	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,29	Giỏi		
838	2038219294	Nguyễn Thị Bích	Vi	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,29	Giỏi		
839	2038219176	Lữ Thị Trúc	Mai	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,30	Giỏi		
840	2038210237	Nguyễn Thị Hồng	Ân	Quản trị khách sạn	12DHQTKS01	3,31	Giỏi		
841	2038219193	Lâm Trần Thu	Ngọc	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,31	Giỏi		
842	2038219269	Huỳnh Thị Bích	Trâm	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,31	Giỏi		
843	2038210548	Nguyễn Kim	Như	Quản trị khách sạn	12DHQTKS01	3,34	Giỏi		
844	2038219122	Nguyễn Hồng	Đào	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,36	Giỏi		
845	2038219234	Huỳnh Như	Tâm	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,38	Giỏi		
846	2038210258	Nguyễn Đức	Thiện	Quản trị khách sạn	12DHQTKS02	3,40	Giỏi		
847	2038210601	Nguyễn Tấn	Phát	Quản trị khách sạn	12DHQTKS05	3,45	Giỏi		
848	2038210436	Nguyễn Phương	Hạ	Quản trị khách sạn	12DHQTKS02	3,46	Giỏi		
849	2038219250	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,48	Giỏi		
850	2038219153	Lê Thị Thu	Hương	Quản trị khách sạn	12DHQTKS04	3,53	Giỏi		
851	2030219394	Bùi Lê Như	Hương	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,20	Giỏi		
852	2030219426	Lê Thị Nguyệt	Minh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH04	3,20	Giỏi		
853	2030210123	Nguyễn Quốc	Trung	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH02	3,20	Giỏi		
854	2030219325	Nguyễn Ngọc	Ánh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,21	Giỏi		
855	2030219343	Nguyễn Kiều Mỹ	Duyên	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,21	Giỏi		
856	2030219423	Nguyễn Thị Kim	Lý	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,21	Giỏi		
857	2030210374	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,22	Giỏi		
858	2030219367	Nguyễn Thị Diệu	Hằng	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,24	Giỏi		
859	2030219339	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,26	Giỏi		
860	2030219584	Huỳnh Ngọc	Yến	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH05	3,26	Giỏi		
861	2030219411	Nguyễn Kiều Mỹ	Linh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH04	3,27	Giỏi		
862	2030210272	Trần Thị Thủy	Tiên	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH01	3,27	Giỏi		
863	2030210316	Lê Trịnh Gia	Huy	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH02	3,29	Giỏi		
864	2030219405	Nguyễn Song Thiên	Kim	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,29	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
865	2030219430	Chung Huệ	My	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,29	Giỏi		
866	2030219562	Trịnh Thị	Uyên	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH04	3,29	Giỏi		
867	2030219324	Hồ Mộng Ngọc	Ánh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH05	3,30	Giỏi		
868	2030219564	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH05	3,30	Giỏi		
869	2030219499	Nguyễn Thị Quỳnh	Thi	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH05	3,33	Giỏi		
870	2030219511	Nguyễn Phạm Thanh	Thúy	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,33	Giỏi		
871	2030219536	Huỳnh Hồng Ngọc	Trâm	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH05	3,33	Giỏi		
872	2030210204	Hồ Mai Xuân	Hoài	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH01	3,36	Giỏi		
873	2030219374	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH05	3,39	Giỏi		
874	2030219337	Lê Thị Mỹ	Diệu	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,40	Giỏi		
875	2030219364	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH04	3,40	Giỏi		
876	2030219375	Trương Gia	Hân	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH04	3,40	Giỏi		
877	2030219498	Phạm Thị Hồng	Thắm	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,45	Giỏi		
878	2030210410	Nguyễn Hoàng Minh	Hằng	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH05	3,47	Giỏi		
879	2030210353	Bùi Thị Nam	Nghi	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	12DHQTDVNH03	3,48	Giỏi		
880	2023214153	Lê Đình	Chu	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,60	Xuất sắc		
881	2023210569	Cao Thị Hồng	Tươi	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH07	3,65	Xuất sắc		
882	2023214550	Nguyễn Văn	Vũ	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,66	Xuất sắc		
883	2023214343	Đình Thị Mỹ	Nguyệt	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,74	Xuất sắc		
884	2023214431	Nguyễn Thị Bé	Thảo	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH09	3,20	Giỏi		
885	2023214553	Bùi Thị Ái	Vy	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH10	3,20	Giỏi		
886	2023214169	Văn Nguyễn Hoàng	Duy	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH11	3,21	Giỏi		
887	2023214310	Nguyễn Thị Thu	Minh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH07	3,21	Giỏi		
888	2023210444	Nguyễn Thị Thu	Thuận	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH03	3,21	Giỏi		
889	2023210054	Phạm Trúc	Phương	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH06	3,22	Giỏi		
890	2023214236	Lê Mỹ	Huyền	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH10	3,23	Giỏi		
891	2023214183	Trần Thị Như	Đình	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH09	3,24	Giỏi		
892	2023214375	Lâm Đại	Phát	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH10	3,24	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
893	2023214414	Phạm Thị	Tâm	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,24	Giỏi		
894	2023214428	Bạch Lê Phương	Thảo	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH12	3,24	Giỏi		
895	2023214488	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,24	Giỏi		
896	2023214502	Lê Thị Diễm	Trinh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH12	3,24	Giỏi		
897	2023214556	Lê Hiền	Vy	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH10	3,24	Giỏi		
898	2023214162	Trần Thị Xuân	Diệu	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH09	3,26	Giỏi		
899	2023210018	Hồ Thị Bích	Hoài	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH05	3,26	Giỏi		
900	2023214440	Phạm Thị Bé	Thắm	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH12	3,26	Giỏi		
901	2023214486	Nguyễn Thị Doan	Trang	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,26	Giỏi		
902	2023214506	Trần Thị Việt	Trinh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,26	Giỏi		
903	2023214548	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH09	3,26	Giỏi		
904	2023214242	Đặng Quốc	Hưng	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH04	3,27	Giỏi		
905	2023214367	Trần Huỳnh Xuân	Như	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH05	3,27	Giỏi		
906	2023214563	Nguyễn Trần Lê Thuý	Vy	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,27	Giỏi		
907	2023214190	Võ Nguyễn Huỳnh	Giang	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,29	Giỏi		
908	2023214215	Võ Lê Gia	Hân	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH03	3,29	Giỏi		
909	2023214217	Lê Thị Thu	Hiền	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH03	3,29	Giỏi		
910	2023214535	Tô Ánh	Tuyết	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH11	3,29	Giỏi		
911	2023214434	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,29	Giỏi		
912	2023210621	Lê Hữu	Vĩnh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH02	3,29	Giỏi		
913	2023214225	Trương Hoàng	Hiếu	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH02	3,30	Giỏi		
914	2023210002	Nguyễn Ngọc Trang	Thy	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH01	3,30	Giỏi		
915	2023214292	Nguyễn Bùi Yền	Loan	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH03	3,31	Giỏi		
916	2023214365	Phạm Quỳnh	Như	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH05	3,31	Giỏi		
917	2023214309	Bùi Thị	Mị	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,32	Giỏi		
918	2023214512	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH11	3,33	Giỏi		
919	2023214544	Nguyễn Thị Bé	Vân	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,33	Giỏi		
920	2023214202	Nguyễn Hồng	Hạnh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH07	3,34	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
921	2023214289	Võ Mạch	Linh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH10	3,34	Giỏi		
922	2023214233	Nguyễn Đức	Huy	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH11	3,35	Giỏi		
923	2023214140	Huỳnh Vĩ	Ân	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH06	3,36	Giỏi		
924	2023214399	Lê Thị Như	Quỳnh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH12	3,36	Giỏi		
925	2023214432	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc	Thảo	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH12	3,36	Giỏi		
926	2023210734	Phạm Ngọc	Ánh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH06	3,37	Giỏi		
927	2023214276	Lê Thị Kiều	Linh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH06	3,37	Giỏi		
928	2023210116	Trần Thị Ngọc	Trâm	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH05	3,37	Giỏi		
929	2023214180	Phan Thùy	Dương	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH02	3,38	Giỏi		
930	2023214336	Phạm Thị Kim	Ngân	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH08	3,40	Giỏi		
931	2023214360	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH06	3,40	Giỏi		
932	2023214280	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH11	3,41	Giỏi		
933	2023214569	Trần Thanh	Vy	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH10	3,41	Giỏi		
934	2023214325	Đặng Kim	Ngân	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH06	3,42	Giỏi		
935	2023210495	Nguyễn Thành	Luân	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH02	3,43	Giỏi		
936	2023214408	Huỳnh Trí	Son	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH09	3,43	Giỏi		
937	2023214509	Lâm Thanh	Trúc	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH11	3,43	Giỏi		
938	2023214495	Võ Thị Ngọc	Trâm	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,44	Giỏi		
939	2023210435	Võ Thị Hồng	Cúc	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH04	3,45	Giỏi		
940	2023214425	Nguyễn Trần Thanh	Thanh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,45	Giỏi		
941	2023214282	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH03	3,47	Giỏi		
942	2023210586	Lê Hữu	Quốc	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH02	3,48	Giỏi		
943	2023210102	Nguyễn Thị Tú	Quyên	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH06	3,49	Giỏi		
944	2023214395	Du Ngọc Quỳnh	Quyên	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH07	3,49	Giỏi		
945	2023214200	Bùi Minh	Hạnh	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,51	Giỏi		
946	2023214413	Nguyễn Thị Bích	Tâm	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH12	3,52	Giỏi		
947	2023214407	Dương Tấn	Sang	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH12	3,55	Giỏi		
948	2023210180	Đỗ Thị Phương	Thảo	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH01	3,55	Giỏi		

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngành	Lớp học	ĐTBTL Hệ 4	Xếp loại TN	TN Thủ khoa ngành	Ghi chú
949	2023214261	Bùi Thị Thúy	Lan	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH05	3,56	Giỏi		
950	2023214337	Huỳnh Nguyễn Gia	Nghi	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH09	3,56	Giỏi		
951	2023210068	Trần Minh	Thiện	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH03	3,56	Giỏi		
952	2023214438	Võ Thị Thanh	Thảo	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH07	3,57	Giỏi		
953	2023214142	Nguyễn Trung	Ấn	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH_TD	3,58	Giỏi		
954	2023214355	Nguyễn Yến	Nhi	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH11	3,59	Giỏi		
955	2023214547	Nguyễn Thị Thúy	Vân	Tài chính - Ngân hàng	12DHNH10	3,59	Giỏi		

Tổng số: 955 sinh viên